

02.21.99

49

SỰ KẾT HỢP GIỮA PHƯƠNG PHÁP LỊCH SỬ VÀ PHƯƠNG PHÁP LÔGIC TRONG NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ TRIẾT HỌC

NGUYỄN ĐÌNH BẮC (*)

Trong hệ thống các phương pháp nghiên cứu lịch sử triết học đã được khái quát, xác định và sử dụng từ trước đến nay, sự kết hợp giữa phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic được xem là một phương pháp nghiên cứu đặc trưng, một trong những phương thức quan trọng bậc nhất để nghiên cứu môn khoa học này. Do vậy, theo chúng tôi, việc làm rõ cơ sở của sự kết hợp giữa phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic trong nghiên cứu lịch sử triết học, nguyên tắc cơ bản của sự kết hợp và phương pháp luận vận dụng sự kết hợp giữa phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic trong nghiên cứu lịch sử triết học hiện nay có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

Với tư cách một môn khoa học, lịch sử triết học không chỉ nghiên cứu sự ra đời, vận động và phát triển có tính quy luật của các tư tưởng triết học, mà còn nghiên cứu lôgic nội tại của các khuynh hướng, các hệ thống triết học tiêu biểu trong lịch sử. Điều đó có nghĩa, khách thể nghiên cứu của lịch sử triết học không thể tri giác trực tiếp được và càng không thể “tái hiện” trong phòng thí nghiệm như các môn khoa học tự nhiên hay khoa học kỹ thuật, mà chỉ có thể thông qua các biểu tượng kiến thức được tạo ra trên cơ sở các tư liệu lịch sử điển hình, chân thực. Vì vậy, việc xác định một cách đúng đắn và khoa học các phương pháp nghiên cứu lịch sử triết học luôn là một trong những nhân tố quyết định chất lượng nghiên cứu môn khoa học này.

Trong hệ thống các phương pháp nghiên cứu lịch sử triết học được xác định và vận dụng từ trước đến nay, sự kết hợp giữa phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic, tạo thành *phương*

pháp lịch sử và lôgic là một phương pháp đặc thù, một trong những phương thức quan trọng bậc nhất để nghiên cứu khoa học lịch sử triết học.

1. Cơ sở xuất phát điểm của sự kết hợp phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic trong nghiên cứu lịch sử triết học là từ *sự thống nhất biện chứng giữa phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic*. Phương pháp lịch sử là cách tìm hiểu, xem xét các vấn đề một cách cụ thể, các sự kiện diễn ra trong một bối cảnh xã hội nhất định, theo trình tự thời gian liên tục từ khi phát sinh, phát triển đến khi kết thúc, trong mối quan hệ với các sự kiện khác nhằm chỉ ra những nét đặc trưng của sự kiện, của vấn đề và phân biệt nó với các sự kiện, vấn đề khác. Khác với phương pháp lịch sử, phương pháp lôgic nghiên cứu các sự kiện lịch sử không chỉ bằng những diễn biến bên ngoài hay các hiện tượng ngẫu nhiên, mà còn thâm nhập vào

(*) Tiến sĩ, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.

trạng thái phát triển lịch sử của đối tượng nhằm khám phá bản chất, quy luật ẩn giấu đằng sau các sự kiện, diễn biến lịch sử ấy.

Rõ ràng, đây là hai phương pháp nghiên cứu khác nhau, mỗi phương pháp có những ưu thế và nhược điểm khác nhau, nhưng giữa chúng vẫn có sự thống nhất, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong phương pháp lịch sử, cái logic giữ vai trò là yếu tố tùy thuộc của cái lịch sử, giúp cho việc nghiên cứu lịch sử không sa đà vào các tiểu tiết ngẫu nhiên, không bị chệch hướng khi lần tìm “sợi dây” tất yếu liên kết các sự biến lịch sử. Còn đối với phương pháp logic, mặc dù cái logic là tất yếu chi phối, nhưng điều đó không có nghĩa nó được quyền rút ra một cách tư biện khái niệm này từ khái niệm khác, sự kiện này lẫn với sự kiện kia... Sự phân tích logic chỉ có thể thực hiện được khi dựa trên cơ sở các tài liệu lịch sử, tuân thủ quy luật của lịch sử và do vậy, các bước triển khai của nó phải ăn khớp với tiến trình khách quan của lịch sử. Bàn về vấn đề này, C.Mác đã khẳng định: “Sự phát triển logic hoàn toàn không nhất thiết chỉ đóng khung trong phạm vi trừu tượng thuần túy. Trái lại, nó đòi hỏi phải có những minh họa lịch sử, phải thường xuyên tiếp xúc với hiện thực”(1).

Trên thực tế, do tính chất và đặc điểm của mình, phương pháp logic không thể thoát ly, không thể không tính đến, không thể không thường xuyên phải tiếp xúc với tài liệu lịch sử thực tế, nghĩa là nó phải được vận dụng kết hợp với phương pháp lịch sử. Bởi lẽ, phương pháp logic, trong khi dựa vào kết cấu của khách thể vẫn bị quy định

bởi áp lực của lịch sử. Và, không chỉ theo nghĩa kết cấu đó, bản thân trạng thái chín muồi của khách thể là kết quả của sự phát triển lịch sử, mang tính lịch sử sâu sắc. Theo nghĩa này, trong nhận thức, không có phương pháp lịch sử thuần túy cũng như không thể có phương pháp logic thuần túy độc lập; phương pháp logic được hiểu là phương pháp lịch sử đã thoát ra khỏi những hình thức lịch sử và những cái ngẫu nhiên, bề ngoài. Ph.Ăngghen viết: “Về thực chất, phương pháp này chẳng qua cũng là phương pháp lịch sử, có điều là đã thoát khỏi hình thái lịch sử và khỏi những hiện tượng ngẫu nhiên gây trở ngại mà thôi”(2). Tiếp thu, kế thừa quan điểm đó, trong quá trình nghiên cứu, V.I.Lênin cũng nhấn mạnh: “Cái logic đó là lịch sử, nhưng đã được trừu tượng hóa, tức được rút ra, được làm sạch khỏi cái ngẫu nhiên, được giải phóng khỏi những quanh co của lịch sử thực tế, tức là sự phản ánh đã được sửa chữa, được thoát khỏi những hình thức lịch sử và những ngẫu nhiên pha trộn. Quá trình “làm sạch”, “chưng cất” hiện thực lịch sử nhằm thu nhận những trừu tượng logic được bộc lộ rõ ràng nhất khi hình thành các khái niệm khoa học (thí dụ trong bộ *Tư bản* của C.Mác)”(3).

Còn phương pháp lịch sử, về một phương diện nào đó, có thể xem như sự ứng dụng riêng của phương pháp logic vào những tài liệu lịch sử cụ thể. Mà

(1) C.Mác Ph.Ăngghen. *Tuyển tập* (gồm 6 tập), t.II. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1981, tr.656.

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.13. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.614.

(3) V.I.Lênin. *Toàn tập*, t.29. Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1981, tr.208.

theo C.Mác, “các quan điểm lịch sử đánh dấu thời đại ấy đã là tiền đề lý luận trực tiếp của quan điểm duy vật mới, và chỉ riêng điều đó cũng đã cung cấp điểm xuất phát cho cả phương pháp logic”(4). Thực tiễn cho thấy, đây cũng chính là điều mà C.Mác đã khẳng định và áp dụng trong bộ *Tư bản* và qua đó, làm cho tác phẩm khoa học đồ sộ này, ngoài ý nghĩa một học thuyết về quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa, còn là sự phản ánh khái quát lịch sử chủ nghĩa tư bản và là sự tổng kết có phê phán các học thuyết kinh tế đã có trong lịch sử. Đúng như V.I.Lênin đã đánh giá: “Mác không để lại cho chúng ta logic học (với chữ L viết hoa) nhưng đã để lại cho chúng ta logic của Tư bản và cần phải tận dụng đầy đủ nhất những logic đó để giải quyết vấn đề mà chúng ta đang nghiên cứu”(5). Qua nghiên cứu, GS, TS. Lê Hữu Nghĩa cũng nhấn mạnh: “Bộ *Tư bản* của Mác là kiểu mẫu thiên tài của việc áp dụng nguyên tắc thống nhất giữa lịch sử và logic trong việc nhận thức hiện thực xã hội”(6).

Như vậy, có thể hiểu rằng, phương pháp lịch sử đã chứa đựng tính “logic” của sự phát triển lịch sử; còn phương pháp logic đã bao hàm phương pháp lịch sử. Hai phương pháp này kết hợp chặt chẽ với nhau, và trong bản thân phương pháp này đã có sự thâm nhập của phương pháp kia, không thể vận dụng từng phương pháp tách rời nhau.

Thực tiễn cho thấy, mối quan hệ giữa cái logic và cái lịch sử đã tự mở đường đi qua các nấc thang lịch sử cơ bản của triết học với vô số những sự “va chạm” ngẫu nhiên, những bước đứt đoạn của sự tiến triển, những bước nhảy vọt và cả sự

thụt lùi,... Có lúc yếu tố này phát triển vượt lên và kéo theo sự biến đổi của yếu tố kia và ngược lại, khiến hai tiến trình vận động đó tuy được thực hiện song song trong nhận thức triết học nhưng lại không trùng khít lên nhau. Nói cách khác, lịch sử và logic là hai phương pháp có sự thống nhất biện chứng với nhau, thống nhất nhưng không đồng nhất. Đây chính là cơ sở khoa học cho việc xem xét, kết hợp và vận dụng chúng trong nhận thức lý luận và trong nghiên cứu khoa học nói chung, trong nghiên cứu lịch sử triết học nói riêng.

Mặt khác, sự kết hợp giữa phương pháp lịch sử và phương pháp logic trong nghiên cứu lịch sử triết học còn xuất phát trực tiếp từ *đôi tượng, chức năng, nhiệm vụ và tính chất đặc thù của khoa học lịch sử triết học*. Trong đó, với tư cách một khoa học, lịch sử triết học không chỉ dừng lại ở việc mô tả các sự kiện trong sự phát triển của triết học, hoặc trình bày nội dung các hệ thống triết học khác nhau, mà còn có nhiệm vụ khái quát các sự kiện đó, chỉ ra quy luật phát triển của triết học và logic nội tại của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của các hệ thống triết học. Do vậy, lịch sử triết học không được hiểu như một khoa học lịch sử thông thường, mà là một bộ phận của các khoa học triết học. Cũng do đó, sự kết hợp giữa phương pháp lịch sử và phương pháp logic trong quá trình nghiên cứu lịch sử triết học rõ ràng là một tất yếu khách quan.

(4) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.13, tr.613.

(5) V.I.Lênin. *Sđd.*, t.29, tr.259.

(6) Lê Hữu Nghĩa. *Lịch sử và logic*. Nxb Sách giáo khoa Mác - Lênin, Hà Nội, 1987, tr.60.

2. Thực tế cho thấy, hầu như môn khoa học nào cũng cần và có thể vận dụng sự kết hợp chặt chẽ giữa phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Nếu chỉ sử dụng phương pháp lịch sử thì không thể thấy được căn cứ bản chất vấn đề, còn nếu chỉ đơn thuần sử dụng phương pháp logic thì không đủ cơ sở để nắm vững logic ấy, có khi còn làm cho vấn đề trở thành tư biện, trừu tượng, trống rỗng. Đương nhiên, ở từng môn khoa học khác nhau, việc vận dụng sự kết hợp phương pháp lịch sử với phương pháp logic cũng khác nhau, có thể “nghiêng” về lịch sử hoặc logic. Lịch sử triết học là khoa học nghiên cứu sự ra đời, vận động và phát triển có tính quy luật của các tư tưởng triết học và nghiên cứu logic nội tại của các khuynh hướng, các hệ thống triết học tiêu biểu trong lịch sử; do đó, không thể tách rời lịch sử với logic và càng không thể không kết hợp giữa phương pháp lịch sử và phương pháp logic như một trong những phương pháp cơ bản hàng đầu.

Tuy nhiên, để sự kết hợp giữa hai phương pháp này trong nghiên cứu lịch sử triết học một cách linh hoạt, khoa học và đưa lại hiệu quả, theo quan điểm mácxít, cần đảm bảo những yêu cầu có tính nguyên tắc sau đây:

Một là, nhận thức đầy đủ sự thống nhất và khác biệt giữa phương pháp lịch sử và phương pháp logic để kết hợp chúng một cách linh hoạt, biện chứng trong nghiên cứu lịch sử triết học.

Với tư cách một khoa học triết học, lịch sử triết học thông qua việc mô tả các sự kiện trong sự phát triển của triết học và trình bày nội dung các hệ thống triết học, các trường phái, học thuyết,

quan điểm, tư tưởng triết học khác nhau để từ đó, khái quát và rút ra quy luật phát triển của triết học và logic nội tại của quá trình hình thành, phát triển của các hệ thống triết học. Phương pháp lịch sử luôn thích hợp với việc mô tả và trình bày các sự kiện, nội dung các hệ thống triết học; trong khi đó, phương pháp logic lại chiếm ưu thế trong việc khái quát và tìm ra mối liên hệ tất yếu giữa các sự kiện và hệ thống triết học.

Mặt khác, mục tiêu chung của cả phương pháp lịch sử lẫn phương pháp logic là nhằm tìm ra và tái hiện được quy luật của lịch sử triết học. Song, mỗi phương pháp lại có những đặc thù, ưu trội khác nhau và sự kết hợp giữa chúng sẽ khắc phục được những khiếm khuyết của hai phương pháp. Nếu phương pháp logic giúp cho việc nghiên cứu lịch sử triết học không bị sa đà vào các sự kiện ngẫu nhiên, bám sát tính tất yếu qua các sự kiện và diễn biến lịch sử, thì phương pháp lịch sử lại giúp cho việc phân tích logic tránh được sự tư biện, đảm bảo tính khách quan, chân thực của việc nghiên cứu và giúp cho chủ thể nghiên cứu có thể dõi theo từng nấc thang trong sự phát triển của đối tượng.

Trong nghiên cứu lịch sử triết học, nếu lạm dụng phương pháp lịch sử thì việc nghiên cứu sẽ rơi vào tình trạng liệt kê các sự kiện, tư liệu và những nhân tố tất yếu cũng bị cuốn theo dòng sự kiện đó, trở nên mờ nhạt, không đúng với bản chất vốn có của nó. Trái lại, nếu thiên về phương pháp logic sẽ có những kết luận không phù hợp với những sự kiện hay các trường hợp cụ thể. Chẳng hạn, nếu chúng ta nhất trí

cho rằng, triết học Trung Quốc cổ đại không đề cập đến vấn đề tự do của mỗi cá nhân con người, mà chỉ chú ý đến con người xã hội trong mối quan hệ tầng bậc, ràng buộc thì nhận định đó dường như mâu thuẫn với lý thuyết tự do, tự tại, “tiêu dao” tuyệt đối của Trang Tử.

Hai là, khi kết hợp phương pháp lịch sử và phương pháp logic trong nghiên cứu lịch sử triết học phải xác định được yếu tố đơn giản nhất nhưng giữ vai trò quy định tất cả tính chất, quan hệ trong toàn bộ tiến trình phát triển của đối tượng.

Trong lịch sử của mỗi học thuyết triết học, những quan niệm hay tư tưởng chủ đạo chính là yếu tố giữ vai trò chi phối toàn bộ học thuyết, quyết định tính chất đặc trưng của học thuyết. Để tìm ra quan niệm, tư tưởng chủ đạo của một học thuyết thì phương pháp logic chiếm ưu thế hơn so với phương pháp lịch sử. Bởi lẽ, phương pháp logic giúp cho chủ thể vừa tiếp cận được kết cấu, vừa tiếp cận được lịch sử của đối tượng trong sự thống nhất chặt chẽ, ở cùng một thời điểm. Đến lượt mình, việc xác định được quan niệm, tư tưởng chủ đạo của một học thuyết sẽ là một trong những điều kiện quan trọng để đưa ra những kiến giải, kết luận phù hợp. Tuy nhiên, có những trường hợp, với cùng một học thuyết, các chủ thể lại có sự lựa chọn quan niệm chủ đạo khác nhau. Sự khác nhau này do bình diện, góc độ, cách thức tiếp cận của mỗi chủ thể nghiên cứu đưa lại.

Ba là, cần tìm ra khái niệm xuất phát và tái hiện quá trình lịch sử của đối tượng, logic của các khái niệm.

Sau khi xác định được quan niệm chủ đạo, sự kết hợp phương pháp lịch sử và phương pháp logic trong nghiên cứu lịch sử triết học đòi hỏi cần tìm ra được khái niệm xuất phát và tái hiện quá trình lịch sử của đối tượng, logic của các khái niệm. Do đó, phải xác định trật tự logic của các khái niệm, tức là khái niệm nào trước, khái niệm nào sau. Trong bộ *Tư bản*, từ khái niệm xuất phát là “hàng hóa”, C.Mác đã tái hiện một cách khái quát lịch sử chủ nghĩa tư bản thông qua trật tự logic của các khái niệm: Hàng hóa tiền tệ sản xuất lưu thông quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa. Khi nghiên cứu một học thuyết cụ thể trong lịch sử triết học, trước một hệ thống khái niệm, cần xác định được trật tự logic của các khái niệm và thông qua đó, tái hiện “diện mạo” và tìm ra được bản chất của học thuyết. Ví dụ: Khi tìm hiểu học thuyết Nho giáo thời Tiên Tần, chúng ta có thể thấy trật tự logic các khái niệm cơ bản là: Nhân Lễ Chính danh Đức trị. Và, khi dõi theo nội hàm của những khái niệm này, chúng ta sẽ thấy một cách cơ bản nội dung của học thuyết. Việc xác định không đúng trật tự logic của các khái niệm sẽ gây ra sự thiếu chính xác trong việc dựng lại, kiến giải và nhận định đối tượng.

Bốn là, bảo đảm tính chân thực khách quan của sự kiện khi kết hợp phương pháp lịch sử và phương pháp logic trong nghiên cứu lịch sử triết học.

Thẩm định tính đúng sai của sự kiện là một khâu cần thiết, không thể bỏ qua trong nghiên cứu lịch sử triết học. Phương pháp lịch sử có chức năng dựng lại tiến trình phát sinh, phát triển của

đối tượng thông qua sự kiện. Còn phương pháp logic cũng căn cứ vào sự kiện để chứng minh và giải thích quy luật phát sinh, hình thành và phát triển của đối tượng có được do những suy luận logic. Khi thẩm định những sự kiện lịch sử và những sự kiện tư tưởng trong lịch sử triết học thì phương tiện hữu hiệu nhất là dựa vào nguồn tư liệu gốc.

Để thẩm định tư liệu, một yêu cầu bắt buộc với chủ thể nghiên cứu là phải sử dụng được ngôn ngữ của tư liệu. Chẳng hạn, với các học giả nghiên cứu về các lĩnh vực của triết học Trung Quốc cổ, trung đại, việc sử dụng được ngôn ngữ của tư liệu gốc (tức Hán ngữ cổ) là một trong những điều kiện quan trọng bậc nhất bảo đảm cho sự thành công của việc nghiên cứu. Bởi lẽ, nếu chỉ căn cứ vào tài liệu dịch và những kết quả nghiên cứu đã có thì mặc nhiên, chúng ta đã bỏ qua những khởi nguồn đột phá cho sự nghiên cứu do đặc thù ngôn ngữ và văn phong Hán cổ đem lại.

Năm là, đảm bảo sự thống nhất giữa quan điểm và tư liệu khi kết hợp phương pháp lịch sử và phương pháp logic trong nghiên cứu lịch sử triết học.

Sự thống nhất giữa quan điểm và tư liệu là một trong những vấn đề quan trọng khi vận dụng sự kết hợp giữa phương pháp lịch sử và phương pháp logic trong nghiên cứu lịch sử triết học. Sự thống nhất ấy được thể hiện ở chỗ, những tư liệu được sử dụng là minh chứng có tính thuyết phục cho quan điểm đã nêu ra và ngược lại, quan điểm được đưa ra là sự kết tinh của tư liệu. Nếu có biểu hiện không ăn khớp giữa quan điểm và tư liệu thì cần có sự thẩm định từ hai phía tư liệu và quan điểm.

Có thể sẽ xảy ra hai trường hợp: *Một là*, tư liệu không chân thực hay sử dụng không đúng chỗ; *hai là*, quan điểm đưa ra không đúng tâm, cần được điều chỉnh lại.

Như vậy, *thực chất của sự kết hợp* phương pháp lịch sử và phương pháp logic trong nghiên cứu lịch sử triết học là việc tìm ra sự thống nhất, những yếu tố phù hợp giữa hai phương pháp để kết hợp chúng với nhau một cách linh hoạt, trên cơ sở đảm bảo những yêu cầu có tính nguyên tắc nêu trên, từ đó đưa lại những hiệu quả thiết thực trong nghiên cứu lịch sử triết học.

3. Về phương diện phương pháp luận, việc vận dụng sự kết hợp giữa phương pháp lịch sử và phương pháp logic trong nghiên cứu lịch sử triết học, trước hết cần quán triệt, vận dụng linh hoạt các nguyên tắc cơ bản của phép biện chứng duy vật.

Một trong những di sản to lớn mà các nhà kinh điển mácxít để lại cho nhân loại là phép biện chứng duy vật hạt nhân cốt lõi của triết học Mác Lênin. Bản chất của phép biện chứng duy vật là vạch ra tính chất biện chứng của thế giới, phát hiện và khái quát các quy luật vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy; trên cơ sở đó rút ra hệ thống các nguyên lý, quy luật, những cặp phạm trù định hướng cho hoạt động nhận thức và cải tạo thế giới của con người. Nghiên cứu lịch sử triết học là một hoạt động nhận thức đặc thù rất cần quán triệt và vận dụng tốt các nguyên tắc cơ bản của phép biện chứng duy vật đó là các nguyên tắc: Khách quan, toàn diện, lịch sử cụ thể và phát triển.

Nguyên tắc khách quan là nguyên tắc cơ bản đầu tiên và là đặc trưng quan trọng của phép biện chứng duy vật. Trong *Bút ký triết học*, V.I.Lênin đã coi “tính khách quan của sự xem xét” là yếu tố đầu tiên của phép biện chứng duy vật. Bởi lẽ, từ đặc trưng này, người ta có thể rút ra các đặc trưng khác của tư duy biện chứng duy vật. Quán triệt và vận dụng nguyên tắc khách quan khi kết hợp phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic trong nghiên cứu lịch sử triết học đòi hỏi phải xuất phát từ chính bản thân mỗi trường phái, học thuyết, quan điểm, tư tưởng trong lịch sử; phải phản ánh trung thực những đặc điểm và nội dung cơ bản của các trường phái như chúng vốn có, tránh thiên kiến, chủ quan.

Nguyên tắc toàn diện đòi hỏi phải xem xét sự vật, hiện tượng một cách toàn diện, trong một chỉnh thể thống nhất của tất cả các mặt, yếu tố, bộ phận, thuộc tính cùng các mối liên hệ phổ biến và sự ràng buộc lẫn nhau giữa chúng trong bản thân sự vật và giữa các sự vật với nhau. Tuy nhiên, nguyên tắc toàn diện của phép biện chứng duy vật không đồng nghĩa với sự cào bằng, dàn đều theo kiểu “bình quân chủ nghĩa”; ngược lại, nó đòi hỏi phải xác định và làm nổi bật cái cơ bản, cái quan trọng nhất của sự vật, hiện tượng đó. Nghĩa là, toàn diện nhưng phải có trọng tâm, trọng điểm. Nguyên tắc toàn diện được vận dụng khi kết hợp phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic trong nghiên cứu lịch sử triết học đặt ra cho chúng ta yêu cầu phải xem xét một cách tổng thể đặc điểm và nội dung của mỗi trường phái, mỗi học thuyết triết học trong lịch sử,

chỉ rõ những cống hiến và hạn chế của nó. Đồng thời, phải đi sâu vào những vấn đề bản chất, biết tìm ra đâu là quan điểm, tư tưởng chủ đạo, chi phối toàn bộ học thuyết đó, tránh thái độ giản đơn trong việc nghiên cứu, đánh giá.

Phép biện chứng duy vật còn yêu cầu xem xét sự vật, hiện tượng trong sự vận động, phát triển, mâu thuẫn và gắn liền với điều kiện lịch sử cụ thể. Vì vậy, khi kết hợp phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic trong nghiên cứu lịch sử triết học, chúng ta phải đồng thời quán triệt và vận dụng sáng tạo các *nguyên tắc phát triển, nguyên tắc lịch sử cụ thể*; bởi có như vậy, chúng ta mới thấy được quá trình phát sinh, phát triển của lịch sử triết học chính là một dòng chảy liên tục trong sự phát triển của tư duy nhân loại. Mặt khác, bản thân khoa học lịch sử triết học đòi hỏi chúng ta khi xem xét các tư tưởng triết học hay một học thuyết triết học nào đó không phải là để xem nó có gì mới so với hiện nay, mà là có gì mới so với các học thuyết trước đây. Thêm nữa, khoa học lịch sử triết học còn đòi hỏi khi xem xét mọi học thuyết triết học với tư cách những nấc thang nhất định trong quá trình nhận thức thế giới, chúng ta không được phép hiện đại hóa nó, không gán ghép những tư tưởng, quan điểm mà nó không có và không thể có, mà phải tìm được sự liên hệ giữa quá khứ và hiện tại, thấy được cội nguồn lịch sử và cả xu hướng phát triển của nó.

Hai là, khi sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic trong nghiên cứu lịch sử triết học cần kết hợp với sự vận dụng linh hoạt các phương pháp khác.

Các nhà nghiên cứu triết học đã chỉ ra rằng, nếu chúng ta xác định được phương pháp nghiên cứu đúng đắn cho bộ môn lịch sử triết học thì cũng không có nghĩa là việc nghiên cứu trên con đường đó đã tới đích. Bởi lẽ, một phương pháp tự bản thân nó, dù có khoa học thế nào đi chăng nữa, cũng không thể quyết định trước được một cách hoàn toàn các kết quả nghiên cứu. Do đó, điều quan trọng mà chúng ta cần chú ý là cần phải có phương pháp đúng đắn và kinh nghiệm sử dụng hợp lý, uyển chuyển.

Mặc dù sự kết hợp phương pháp lịch sử và phương pháp logic được xác định là một phương pháp đặc trưng trong nghiên cứu lịch sử triết học, nhưng đó không phải là phương pháp duy nhất. Vì vậy, chúng ta cần phải biết khai thác và vận dụng sự kết hợp phương pháp lịch sử và phương pháp logic một cách linh hoạt, sáng tạo với các phương pháp nghiên cứu khác. Có như vậy, kết quả của sự nghiên cứu mới đạt hiệu quả cao, con đường khám phá chân lý mới nhanh chóng và chính xác hơn.

Ba là, cần phân biệt tính độc lập tương đối của phương pháp lịch sử và phương pháp logic trong nghiên cứu lịch sử triết học với việc sử dụng phương pháp này trong nghiên cứu các môn khoa học khác.

Thực tiễn cho thấy, kết hợp phương pháp lịch sử và phương pháp logic hoàn toàn không phải là phương pháp nghiên cứu riêng có của lịch sử triết học. Trái lại, nhiều môn khoa học khác cũng sử dụng phương pháp nghiên cứu này, thậm chí có môn khoa học còn sử dụng nó như một phương pháp nghiên cứu

đặc thù của mình, ví dụ như khoa học lịch sử, khảo cổ học, v.v.. Do vậy, khi kết hợp phương pháp lịch sử và phương pháp logic trong nghiên cứu lịch sử triết học, chúng ta cần phân biệt tính độc lập tương đối của nó với việc sử dụng phương pháp này trong nghiên cứu các môn khoa học khác.

Bốn là, khi sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic trong nghiên cứu lịch sử triết học, cần kết hợp hai phương pháp này một cách mềm dẻo, linh hoạt, không xem nhẹ hoặc tuyệt đối hóa bất kỳ phương pháp nào.

Bởi lẽ, nếu xem nhẹ phương pháp logic, tuyệt đối hóa phương pháp lịch sử sẽ sa vào lĩnh vực của bộ môn lịch sử. Ngược lại, nếu tuyệt đối hóa phương pháp logic, coi thường phương pháp lịch sử dễ sa vào lĩnh vực của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, hoặc bộ môn logic học.

Lịch sử triết học là một “lâu đài” đồ sộ, ẩn chứa những giá trị quý báu cần thường xuyên được nghiên cứu, khai thác và kế thừa. Việc xây dựng “con đường” để đi vào khám phá những bí mật của toà lâu đài ấy luôn cần thiết và đòi hỏi phải thường xuyên bổ sung những yếu tố mới. Mỗi bước khám phá dẫn đến một thành tựu mới cũng chính là lúc phương pháp được bổ sung thêm để con đường khám phá ngày càng khoa học, hoàn thiện và hiệu quả hơn. Trong hệ thống các phương pháp nghiên cứu lịch sử triết học đã được các nhà nghiên cứu khái quát và vạch ra cho đến nay, sự kết hợp giữa phương pháp lịch sử và phương pháp logic vẫn được xác định là một phương pháp nghiên cứu đặc trưng. □